

## CON NGƯỜI CỦA BẢN NGUYÊN SINH THÁI TRONG BÚT KÝ CÁC BẠN TÔI Ở TRÊN ẤY CỦA NGUYỄN NGỌC

Trần Xuân Tiến<sup>(1)</sup>

<sup>(1)</sup>Trường Đại học Văn Hiến

Ngày nhận 12/12/2016; Chấp nhận đăng 20/01/2017; Email: tranxuantien188@gmail.com

### **Tóm tắt**

*Tập bút ký Các bạn tôi ở trên ấy của Nguyễn Ngọc kể về những nhân vật có thật đã, đang và sẽ gắn bó với núi rừng Tây Nguyên. Họ có những điểm gì chung? Lựa chọn từ những hướng tiếp cận khác nhau, chúng tôi đi sâu phân tích ý thức sinh thái của những nhân vật này thể hiện trong tư tưởng, cách ứng xử của họ với tự nhiên và văn hóa. Có thể nói, người Tây Nguyên đã thiết lập một mối quan hệ mà ở đó, văn hóa và sinh kế nương theo những nguyên lý của tự nhiên. Trong hành trình tiến đến văn minh, văn hóa Tây Nguyên đã giữ được chất tự nhiên bản nguyên đến tận cùng. Công lao ấy thuộc về ý niệm “người là của rừng” mà người Tây Nguyên bấy lâu nay đã quan niệm và gìn giữ.*

**Từ khóa:** bản nguyên, sinh thái, Tây Nguyên, Nguyễn Ngọc

### **Abstract**

#### **THE PERSON OF THE ECOLOGICAL NATURE IN THE NOTES CAC BAN TOI O TREN AY (MY FRIENDS ARE OVER THERE) BY NGUYEN NGOC**

*The Notes – Cac ban toi o tren ay by Nguyen Ngoc is about the real characters who have been and will be attached to the mountains of Central Highlands. What do they have in common? Choosing from different approaching directions, we deeply analyze the ecological consciousness of these characters in their thoughts and behavior towards nature and culture. It can be said that the people in Central Highlands has established a relationship in which culture and livelihood depend on the principles of nature. In the journey toward civilization, the Central Highlands's culture has been kept the natural substance unchanged to the end. This merit belongs to the concept of "people are the forest" that the Central Highlands people have long considered and preserved.*

### **1. Một số tiền đề**

Như một đặc trưng, văn học thường hướng con người đến những cách nhìn mới về thế giới, gạt bỏ những quan niệm lỗi thời, lạc hậu. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng có diễn biến phức tạp như hiện nay, văn học sinh thái một lần nữa khẳng định mạnh mẽ tính đúng đắn của đạo đức môi trường khi mở rộng từ quyền con người sang quyền của thiên nhiên. Như Glotfelty, C. từng khẳng định: “*Văn học không lơ lửng ngoài thế giới chất liệu của bầu không khí nghệ thuật, đúng hơn là góp một phần vào hệ thống trái đất vô cùng phức tạp ở nơi mà khả năng, vấn đề, và ý tưởng tương tác lẫn nhau*” (literature does not float above the material world in some aesthetic ether, but, rather, plays a part in an immensely complex global system, in which energy, matter, and ideas interact) [5: xix]. Sự tương tác ấy không gì khác chính là nỗ lực

thay đổi nhân sinh quan từ nhân loại trung tâm luận sang trái đất trung tâm luận nhằm cứu vãn những hệ lụy mà ý thức hệ lấy con người làm trung tâm gây ra bấy lâu nay. Đã đến lúc cần phải truy vấn về tính xác thực của các kiến thức phổ biến về môi trường như chúng ta đã từng được tiếp nhận. Văn học Việt Nam, nhất là từ sau 1975, đã có nhiều đóng góp trong hành trình chuyển biến nhận thức bảo vệ sinh thái.

Khác với các tác phẩm văn học mang cảm quan sinh thái khác, bút ký *Các bạn tôi ở trên ấy* của Nguyên Ngọc không chỉ có cảm hứng phê phán mà còn chứa cảm hứng ngợi ca. Với hai mươi tư bài bút ký, *Các bạn tôi ở trên ấy* là chuỗi những khám phá, những suy tư trác ẩn mà nhà văn Nguyên Ngọc muốn tỏ bày cùng độc giả. Những dòng bút ký đẹp long lanh, mỏng manh nhưng bí ẩn, huyền nhiệm như chính sự mê mông bất tận của núi rừng Tây Nguyên. Song song đó là những nhân vật có thật đã, đang và sẽ gắn bó với núi rừng Tây Nguyên. Có thể nói, người Tây Nguyên đã thiết lập một mối quan hệ mà ở đó, văn hóa và sinh kế nương theo những nguyên lý của tự nhiên. Trong hành trình tiến đến văn minh, văn hóa Tây Nguyên đã giữ được chất tự nhiên bản nguyên đến tận cùng. Công lao ấy thuộc về ý niệm “người là của rừng” mà người Tây Nguyên bấy lâu nay đã quan niệm và gìn giữ.

## 2. Về rừng – hành trình trở về bản nguyên sinh thái

### 2.1. Loài người – những đứa con của mẹ thiên nhiên

Tình cảm mẫu tử thiêng liêng, ngày nay thường được xem là hình ảnh ví von phù hợp nhằm diễn đạt sự tương liên giữa thiên nhiên và con người. Hình ảnh dung dị và rất đời quen thuộc này cho phép chúng ta lý giải nguyên nhân cũng như đề xuất đường hướng giải pháp cho hầu hết các vấn đề đã, đang và sẽ xảy ra xung quanh mối quan hệ giữa thiên nhiên tạo vật và con người. Thật đáng suy ngẫm khi mà, từ lâu, người Tây Nguyên đã ý thức rõ về sự vĩ đại của mẹ thiên nhiên và vị trí “con cái” của loài người. Là một Đảng huyền bí liên quan đến bản nguyên, bản lai của con người, rừng là “*nơi con người vốn sinh ra từ trong sâu thẳm ấy và từ nơi ấy mà đi ra, mà đến*” [7:180]. Và “*từ trong cái vô tận ấy, một hôm nào đấy con người mon men mà quả quyết đi ra, xin lấy của rừng, như con xin của mẹ, một khoảnh nhỏ, nhọc nhằn thuần hóa nó đi để cái khoảnh ấy thành làng, thành xã hội, thành văn hóa*” [7:181]. Hay như tập tục của người Ba Na khi sinh nở, đem chôn nhúm nhau của trẻ ngay dưới chân cầu thang nhà sàn (nơi con người bước xuống bước lên hằng ngày) nhằm tạo sự gắn bó, sự nối kết với mẹ rừng. Có thể nói, người Tây Nguyên đã hòa nhập cuộc sống của họ cùng với nhịp điệu của thiên nhiên, một sự đồng điệu hòa cảm hết sức tự nhiên. Những chi tiết như thế trong cách nghĩ của người Tây Nguyên mà Nguyên Ngọc đã chỉ ra qua tập bút ký *Các bạn tôi ở trên ấy*, khiến chúng ta liên tưởng đến những kiến nghị của Jean Jacques Rousseau. Cho rằng thiên nhiên giúp con người hình thành nên bản chất của mình, Jean Jacques Rousseau khẳng định sự cần thiết của việc con người về với tự nhiên, sự cần thiết đặt con người ở nơi nằm ngoài những ràng buộc của xã hội và những định kiến của văn minh. Như thế một kết luận, Jean Jacques Rousseau tuyên bố: “*Tự nhiên không bao giờ lừa gạt chúng ta; chính chúng ta tự lừa dối mình*” (Nature never deceives us; it is we who deceive ourselves) [12:102].

Thiên nhiên Tây Nguyên hoang sơ mà giàu có, hùng vĩ mà trữ tình, dữ dội mà độ lượng như một nguồn cảm hứng sống vô tận cho cuộc dạo trần gian của con người nơi đây. Người Tây Nguyên rất tôn trọng mẹ thiên nhiên, thể hiện trong tâm thức, qua cách suy nghĩ và hành động của họ. Họ “*ruốc mẹ Lúa về kho*” sau mỗi mùa vụ. Họ “*biết tính nét từng con thú, thân tình đến độ là bạn của từng con, lâu lâu không thấy nó về rừng của mình thì nhớ ngẩn ngơ*” [7:

109]. Họ hát lang thang qua các buôn làng, và chủ yếu là tình ca, nhưng đặc biệt, những tình ca ấy, ngoài tình yêu đôi lứa, còn là “*yêu rừng, yêu con suối đầu làng, yêu trái núi muôn đời cô quanh, yêu con nai tơ ra ăn chồi tranh buổi sớm mờ sương, yêu con chim k’ tía chuyên ăn cắp lúa trên rẫy...*” [7: 160]. Những cái thường hằng và nhỏ nhoi, nhưng là bền vững và trường tồn.

Tấm lòng yêu mến và biết ơn của người Tây Nguyên dành cho thiên nhiên còn thể hiện qua việc người dân nơi đây sùng bái và tôn vinh vị Vua Lửa (Pötao Apui). Những câu chuyện thần thoại về anh em, trai gái, vợ chồng sấm sét mà người Tây Nguyên vẫn thường kể nhau nghe đều liên quan đến nhân vật Vua Lửa vừa rất thật vừa rất lạ lùng này. Trong bút ký *Sấm và sét, Đàn ông và Đàn bà, lạ lùng Gia Rai*, nhà văn Nguyễn Ngọc kể về việc ông có dịp được gặp vị Vua Lửa Siu Nhót vào năm 1997 ở làng Plöi Oïi, vùng Ayun Pa (quê hương lâu đời của người Gia Rai). Sau lần tiếp xúc ấy, nhà văn mới nhận ra rằng “*tất cả những can thiệp bên ngoài ấy không hề ảnh hưởng được chút nào đến ông (chỉ Vua Lửa – Trần Xuân Tiến chú thích), ông chẳng quan tâm, ông ngồi đấy, rất bình dị, nhưng là đang ở trong một không gian, một thế giới nào đó khác, của riêng ông, không gian Gia Rai, thế giới Tây Nguyên,*” [7:298-299].

Luôn duy trì ý niệm rừng là khởi nguyên của mọi sự - trong đó có loài người, nên đối với người Tây Nguyên, rời bỏ quê hương, rời bỏ rừng là vấn đề vô cùng hệ trọng. Nó không chỉ dừng lại là việc xa rời nơi chôn rau cắt rốn như chúng ta thường quan niệm mà với người Tây Nguyên “*đấy là rừng, với cây cỏ, dẫu là cỏ tranh cần cỗi, với muông thú, dẫu là cọp bởi tất cả cây và thú, và cả đất nữa, đều là những sinh linh có linh hồn, hoàn toàn bình đẳng về linh hồn với con người, cộng sinh thiết yếu và tuyệt đối không thể tách rời*” [7:280]. Xa mẹ thiên nhiên, xa rừng, người Tây Nguyên như thể thiếu đi sự sống vốn dĩ. Chị H’Ben trong *Người về Kông Chro* cứ từng ngày gầy đi, hao mòn đi, vì khi ở Hà Nội với “*phố phường, gạch ngói, bê tông*” khiến “*chị thiếu rừng, chị ngạt thở...*” [7:188]. Hay như anh hùng Núp trong thời gian ở Hà Nội cũng “*ngày đêm âm thầm quần quai vì nỗi nhớ rừng khôn nguôi (...)* các giáo sư bác sĩ nổi tiếng đều không chẩn đoán ra bệnh gì. Mãi đến khi trường của ông chuyển lên Hòa Bình, gặp lại rừng, mắt ông bỗng sáng bừng ra, người cường tráng hẳn lên. Hóa ra ông mắc bệnh thiếu màu xanh của rừng” [7:189]. Anh thanh niên A Bốc ở trạm truyền thanh Mường Hon thì lâu lâu lại... mất tích. Như bao người Tây Nguyên khác, với anh, “*lang thang trong rừng, không phải với con người, mà với cỏ cây, muông thú là nhu cầu sâu thẳm không biết bao giờ mới dứt*” [7:130]. Cũng ở trạm truyền thanh ấy, Nguyễn cũng mang trong máu “*sẵn cái chất “nhớ rừng” bí ẩn*” [7:147].

## 2.2. *Tháng Nùng Nông – cuộc trở về giữa kiếp tạm nhân sinh*

Như trên chúng ta đã thấy, người Tây Nguyên gắn bó cùng mẹ thiên nhiên như thế nào. Tiếng gọi của rừng đối với người Tây Nguyên là tiếng gọi thiêng liêng, tiếng gọi của bản thể, tiếng gọi của nguồn cội. Hơn thế, dù sống ngay ở Tây Nguyên, người Tây Nguyên vẫn khao khát trở về với rừng (một không gian rừng thật sự). Quan niệm về rừng thể hiện rõ nhất trong tập tục Tháng Nùng Nông. “*Đến tháng đó, cả làng vút bỏ lại hết mọi thứ mà công cuộc tiến hóa hàng vạn hay hàng triệu năm đã đem lại cho con người: rìu rựa, dao mác, nhà cửa, chông ché, gạo bắp, nồi niêu... tất cả, tất cả..., người ta nói ngày trước cả quần áo nữa, cả làng theo người già làng kéo nhau đi vào rừng thật sâu. Ở đó họ hú gọi linh hồn tổ tiên về cùng mình và họ sống lại đời sống nguyên thủy, hái lượm và săn bắt*” [7:98-99]. Tập tục này xuất phát từ quan niệm trở về với tổ tiên, với tự nhiên, tấm gọi toàn bộ con người trong suối sông nguồn cội. Người Tây Nguyên bỏ lại sau lưng công cụ sản xuất, lối sinh hoạt của một xã hội mà ngàn năm tiến hóa đã xây dựng nên, bỏ cả quần áo (trần trụi tuyệt đối như người nguyên thủy) để trở về

với cái nguyên khởi của sự sống. Rồi sau nửa tháng tắm rửa toàn bộ linh hồn và thể xác trong ngọn nguồn tuyệt đối trong lành của cái nguyên thủy ấy, họ trở về với toàn vẹn đời sống trần tục hiện đại. Tức là, người Tây Nguyên không đặt cái nguyên thủy và cái hiện đại ở tư thế đối đầu hoàn toàn. Họ vẫn thấy những giá trị của sự tiến hóa mang lại, nhưng họ vẫn ý thức được rằng cần lắm những cuộc trở về rừng mỗi năm để được gần gũi cùng thiên nhiên, cùng rừng.

Câu chuyện về lại với rừng của người Tây Nguyên gợi nhắc chúng ta về câu chuyện Adam và Eva bị đuổi khỏi vườn địa đàng vì phạm tội ăn trái cấm (bị chối bỏ khỏi Tự nhiên vì lầm lỗi với Tự nhiên). Và con người, sau kiếp người, sẽ trở về với Chúa nơi Thiên đàng (trở về với Tự nhiên của cái nguyên khởi). Tháng Ninh Nông như thể là cuộc diễn tập hằng năm nhằm chuẩn bị cho một cuộc trở về thật sự sẽ diễn ra ở cuối chu trình vòng đời. Nhưng xa hơn, tập tục ấy, nhu cầu mỗi năm một lần trở về để tắm gội trong ngọn nguồn tự nhiên nguyên thủy ấy cho thấy một cảm quan sinh thái sâu sắc của người Tây Nguyên. *“Những tập quán/thực hành văn hóa được nhìn nhận như việc tối ưu hóa sự thích nghi của con người và duy trì hệ sinh thái không bị thoái hóa”* (cultural practices were seen as optimizing human adaptation and maintaining undegraded ecosystems) [2:24].

Về cơ bản, xã hội truyền thống của các tộc người ở Tây Nguyên là xã hội cộng đồng cuối thời kì nguyên thủy. Điều đó để lại dấu vết qua những lễ hội văn hoá còn mang đậm tính hồn nhiên, giao hoà với trời đất, thần linh mà Tháng Ninh Nông là một điển dụ. Từ nhu cầu quay về với rừng để gìn giữ sự thanh sạch cho tâm hồn và thân thể của người Tây Nguyên, cho phép chúng ta liên tưởng đến mô típ hóa thân vào thiên nhiên để gội rửa – một mô típ quen thuộc trong văn hóa tín ngưỡng, văn chương phương Đông. Chẳng hạn như: vì quan niệm nước sông Hằng có thể thanh tẩy, khiến con người có thể trở nên thanh khiết, dân tộc Hindu (dân tộc chiếm đa số trong dân số Ấn Độ) thường thực hành nghi lễ tắm nước sông Hằng. Trong văn học phương Đông, mô típ hóa thân vào thiên nhiên càng được thể hiện phong phú, đa dạng: Thánh Gióng bay về trời xanh sau khi dẹp loạn giặc Ân (Việt Nam), sự tích người hóa thân thành trầu cau và vôi (Việt Nam), hai chị em A Thít và Chăn biến thành Mặt Trời và Mặt Trăng khi chết (Thái Lan), bảy người con hiếu thảo khi qua đời biến thành chòm sao Bắc Đẩu (Hàn Quốc)... Tất cả những tích xưa ấy dung chứa một nguyên lý giản đơn: chỉ khi hòa mình vào tự nhiên, con người mới tiến đến sự bình yên, thanh thản. Nói thiên nhiên cứu rỗi con người là vì vậy.

### 2.3. Lễ bỏ mả

Nhiều năm gần bó cùng con người và núi rừng Tây Nguyên, nhà văn Nguyên Ngọc cho rằng người Tây Nguyên sống rất chông chênh trên cái thế thăng bằng nước đôi thường hằng bởi ranh giới mong manh giữa bên này là rừng, bên kia là xã hội. Và Nguyên Ngọc đã viết về quan niệm sự sống của người Tây Nguyên như sau: *“Cuộc đời, xã hội là cái khúc đoạn ở giữa, rất hay, rất vui, nhưng cũng chỉ là khúc đoạn ngắn ở giữa, mà hai bên, hai đầu là bất tận rừng, cũng tức là bất tận không gian và thời gian. Vậy nên, theo một nghĩa nào đó thì sống là một sự níu kéo thường xuyên giữa tách ra và trở về, mà trở về mới là chính, căn bản, vĩnh hằng”* [7:182]. Có thể nói, cảm nhận như vừa nêu của Nguyên Ngọc xuất phát từ việc ông đã chứng kiến và quan sát lễ bỏ mả.

Từ khía cạnh tín ngưỡng tôn giáo, lễ bỏ mả (Pthi atau, brur, muk atau...) của các dân tộc Tây Nguyên (Ê đê, Giarai, Bana...) là một nghi thức tang ma tiễn đưa vĩ đại đầy tiếc thương mà người sống tổ chức để từ biệt người chết. Xét từ góc độ văn hóa, lễ bỏ mả là đỉnh điểm của những sinh hoạt văn hóa của người Tây Nguyên vì lễ này mang tính văn hóa nghệ thuật tổng hợp (tính nguyên hợp) thuộc loại lớn nhất ở Tây Nguyên. Sau một thời gian chuẩn bị (chủ yếu

là các nghi thức mang tính vật chất) cho cuộc tiễn đưa trang trọng cuối cùng, người sống sẽ bỏ mả, không chăm sóc gì nữa. Người Tây Nguyên quan niệm con người đi ra từ rừng nên nay trả về lại với rừng vĩnh hằng. Qua tập tục lễ bỏ mả, người Tây Nguyên muốn giải quyết mối quan hệ không chỉ giữa con người với con người mà còn là giữa con người với tự nhiên. “Chết” trong quan niệm của đồng bào Tây Nguyên là một chu trình tái sinh, qua bảy lần, rồi biến thành giọt sương tan lại vào đất, và họ sẽ trường tồn như đất đai, như núi rừng. Ở lễ bỏ mả, việc chờ đợi một đám tang như ta vẫn thường thấy ở người Kinh là một điều không tưởng. Lễ bỏ mả là một lễ hội, là sự tung bừng, là đầy niềm vui khi mà người ta yên tâm rằng người chết đã về với mẹ thiên nhiên. Thề xác về với đất mẹ và nuôi dưỡng những sinh thể rừng muôn đời. “*Trả con người trở về với Mẹ vĩnh hằng, còn gì vui hơn!...*” [7:270].

### 3. Từ tụng ca tính tích cực của chế độ mẫu hệ đến Sinh thái nữ quyền luận

Với người Tây Nguyên, “*người đàn bà là bên “nội” theo nghĩa chính xác nhất của khái niệm ấy. Bà ở bên trong, phía sau, trong bóng tối. Ở đây có một triết lý hóa ra phổ biến như ta thường ít nhận thấy được: cái chính thì bị che khuất, tự che khuất, cái nhìn thấy được, cái bộc lộ thường chỉ là cái phụ, cái vớ*” [7:195]. “*Trong xã hội Tây Nguyên, khi người đàn bà ra đi, ra “bên ngoài”, ra khỏi nhà, khỏi làng, thì tất sẽ rối loạn, trật tự tự nhiên, gia tộc và xã hội chao đảo. Vị trí của bà là ở trong bếp, trái tim của nhà, và của làng. Bà ngồi đó, vũng chãi và toàn quyền...*” [7:196-197]. Vị trí của người phụ nữ Tây Nguyên trong việc quản lý, phân phối sức lao động, nuôi dạy con cái thể hiện rõ trong nghi thức của các lễ nghi và trong đời sống thường nhật. Nguyên Ngọc giới thiệu đến độc giả hai ấn tượng của ông về vai trò của nữ giới trong đời sống của người Tây Nguyên qua hai bút ký: *Sấm và sét, Đàn ông và Đàn bà, lạ lùng Gia Rai và Lễ thổi tai và rượu cần. Tản mạn nhớ và quên*. Quan niệm lỗi tai là con đường đi vào của linh hồn, là cửa ngõ của sự nhớ, là cơ quan của sự thông tuệ, người Tây Nguyên tiến hành lễ thổi tai khi đứa trẻ vừa tròn tháng tuổi. Thổi linh hồn qua lỗ tai để trẻ thành người là thổi những lời thì thầm của núi rừng, của sông suối, của đất đai quê hương. Và người thi hành nghi lễ quan trọng ấy không ai khác chính là phụ nữ. “*Người mẹ đứng ở bên trong sự truyền nói nòi giống, trong dòng chảy liên tục và bền chặt của sinh tồn*” [7:294], là người tuyên ngôn sự sống, là người nắm giữ bộ nhớ muôn đời của sinh tồn. Với người Tây Nguyên, người phụ nữ không chỉ giữ chức năng thiêng liêng là duy trì cái nhớ cho giống nòi mà còn là tác giả chế ra thứ thuốc quên kỳ diệu nhất Tây Nguyên: rượu cần. Rượu cần là thức uống quý chỉ được dùng trong các dịp lễ tế thần linh, hội làng và dành đãi khách. Tương tự như bếp lửa và công chiêng, rượu cần là thứ không thể thiếu trong đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Nghề làm rượu cần “*là cả một giả kim thuật bí hiểm*” [7, tr.310], là nghề chỉ dành riêng cho chị em phụ nữ chứng tỏ sự khéo tay, đảm đang, sự giàu có của những người làm chủ gia đình. Và như thế, người phụ nữ “*là vị “thủ lĩnh trong bóng tối” của gia đình và xã hội, là nữ Thái thượng hoàng buông rèm nhiếp chính, nấp sau ngai vua, mà bà lại là vua đích thực của từng nhà và của làng, của toàn xã hội*” [7:295].

Ý thức về vai trò của phụ nữ trong xã hội Tây Nguyên rất gần gũi với tư tưởng của thuyết sinh thái nữ quyền (eofeminism). Được nhà nữ quyền Pháp Francoise de Eaubonne đề xuất năm 1974, khái niệm sinh thái nữ quyền chỉ đến vai trò của phụ nữ trong hành trình bảo vệ sinh thái thông qua việc phê phán những định kiến bất bình đẳng về giới. Francoise de Eaubonne cho rằng nhìn vào lịch sử loài người dường như thời khắc xã hội mẫu hệ sang phụ hệ cũng chính là lúc con người rời bỏ tư duy nguyên thủy, rời bỏ tự nhiên. Chống lại tư tưởng lý thuyết trung tâm nam (androcentrism), sinh thái nữ quyền tiến hành nhìn nhận lại các giá trị văn hóa mang

tính gia trưởng, đồng thời ca ngợi thiên tính nữ. Ở đây, chúng ta thấy có sự nối kết giữa phong trào đòi công bình cho sự áp bức phụ nữ và công cuộc chống lại việc thống trị tự nhiên. Đằng sau những sự bóc lột tự nhiên đôi khi là sự bóc lột thân thể người phụ nữ. Xem tư tưởng nam quyền thống trị là căn nguyên của những bất công, trong đó có sự bất công với thiên nhiên, các nhà sinh thái nữ quyền tin rằng sự tồn vong của chính thể sinh thái tỉ lệ thuận với kết quả của cuộc chiến giải phóng phụ nữ, từ đó đề xuất một hình thái công bằng xã hội khác nơi mà ở đây, thiên nhiên và con người (nam và nữ) tồn tại một nhịp điệu tương liên bền vững.

Viên Linh Hồng, trong công trình nghiên cứu *Chủ nghĩa nữ quyền sinh thái hướng tới giải phóng đạo đức*, cho rằng chủ nghĩa sinh thái nữ quyền đã hướng tới giải phóng đạo đức trong quá trình phát triển văn minh. Trước đó, Viên Linh Hồng phân tích: chủ nghĩa nữ quyền sinh thái *phủ định chủ nghĩa cá nhân trừu tượng* (do sự hợp tác giữa cá thể và cá thể là vì nhu cầu lợi nhuận, nên không có bất kỳ giới hạn nào về đạo đức cho việc sử dụng miễn phí và giao dịch tự do đối với tự nhiên, cá nhân không phải chịu trách nhiệm với tự nhiên), *phê phán việc lấy nhân loại làm trung tâm* (chủ trương lấy con người làm hạt nhân, đề cao tính chủ thể của con người, nhấn mạnh lấy lợi ích chung của nhân loại làm thước đo giá trị căn bản để xử lý quan hệ giữa tự nhiên và con người), *vượt qua đạo đức học sinh thái trung tâm* (xác định nghĩa vụ đạo đức của con người đối với sự vật tự nhiên). “*Chủ nghĩa nữ quyền sinh thái chủ trương nam và nữ không phải quan hệ đối lập, mà là quan hệ đối tác liên hệ nội tại, dựa vào nhau và hỗ trợ nhau tồn tại.*” [6].

#### 4. Nhựa cây – nước mắt của rừng và những cảnh báo

Bút ký là thể loại đặc thù, nơi nhà văn khó lòng che giấu những tâm sự ưu thời mẫn thế của mình. Và với *Các bạn tôi ở trên ấy*, nhà văn Nguyễn Ngọc bên cạnh việc chia sẻ một hình ảnh Tây Nguyên gắn bó với thiên nhiên, ông cũng lên tiếng cảnh báo về nguy cơ mất mát của sợi dây tương liên ấy. Ở phần trên, chúng ta đã có dịp thấu thị cảm quan thiên nhiên là nguồn cội trong văn hóa người Tây Nguyên qua tập tục Tháng Ninh Nông. Nhưng tiếc thương thay, như Nguyễn Ngọc chia sẻ, khi lần đầu ông đến Ngọc Linh cách đây hơn nửa thế kỷ, “*nghe nói tục Ninh Nông mới mất chưa lâu. Ngày nay thì đã mất hoàn toàn rồi. Đơn giản chỉ vì có còn rừng đâu để cho người Xơ Đăng hiển mình trở về tắm gội hằng năm...*” [7:268]. “*Tây Nguyên đang mất gần sạch rừng xanh rồi. Đại ngàn thì tuyệt đối không còn. Tất cả đang trống trơn, phơi ra đỏ ngầu đất tro khô cháy. Con người ở đấy rồi sẽ ra sao đây?*” [7:274]. Và người Tây Nguyên đã phải ca thán “*bây giờ mình bán hơn, ngày càng bán*” [7:268], “*không gì phá nát đường bằng xe Reo. Bây giờ rừng bị vét sạch rồi*” [7:196].

Ngày nay, lễ bỏ mả chưa được những người ngoài Tây Nguyên hiểu đúng về bản chất tín ngưỡng, về cảm quan sinh thái ẩn chứa thẳm sâu trong những nghi thức cúng tế và lễ hội mà chỉ nhìn thấy bề mặt hời hợt của vấn đề. Thậm chí, ngay cả với người Tây Nguyên, cũng đã có những tín hiệu cho thấy lễ bỏ mả đang dần mất đi trong văn hóa của họ. “*Cũng đã bắt đầu có người không còn muốn biến mả về rừng mãi mãi*” [7:202]. Những dòng chữ viết bằng sơn đỏ trên nền vôi trắng của ngôi mộ tưởng chừng như là một sự việc đơn giản nhưng lại ẩn chứa một sự thay đổi lớn. Giờ đây, một cá nhân con người đã muốn có tên cho riêng mình ở bên kia thế giới, chứ không phải chỉ dừng lại ở thế giới của dương gian. Đó là sự tách ra, là sự tự khẳng định của con người ra khỏi tự nhiên. Trong diễn trình tiến đến văn minh, văn hóa – xã hội đã khước từ tự nhiên, tự nhiên bị đẩy lùi về phía mà con người cho đó là đối thủ, đối tượng cần phải chinh phục. Khả năng độc lập của con người đồng nghĩa với sự tha hóa khỏi tự nhiên, chối

bỏ tự nhiên như mối quan hệ vốn dĩ đã, đang và sẽ tồn tại. “Con người đang cùng lúc sống trong một sự xa lạ càng ngày càng lớn trước tự nhiên, đồng thời, lại cũng đầy vô tâm trước những tác động của chính mình lên trái đất” (live at an ever greater remove from the natural world, unmindful of their impact upon the earth) [11].

### 5. Cảm quan đạo đức sinh thái – khi văn minh nhìn lại chính mình

“Trong khi người Hy Lạp cổ đại coi con người là một phần không thể thiếu của tự nhiên hay vũ trụ, thì những hình ảnh khoa học hiện đại trong thời kỳ đầu đã ngụ ý một sự thay đổi trong mối quan hệ này (...) Con người coi mình là “bên ngoài” và thậm chí là đối lập với tự nhiên trong một cuộc cạnh tranh quyền lực để sinh tồn” (but whereas the ancient Greeks considered man an integral part of nature or cosmos, the scientific image of early modernity implied a change of this relation (...) Man regarded himself ‘outside’ and even opposed to nature in a power struggle to survive) [15]. Tuy vậy, một cách càng rõ ràng, chúng ta càng nhận thấy mối liên hệ khăng khít giữa con người chúng ta với tự nhiên. Viễn cảnh con người ở “bên ngoài” hoặc đối lập với tự nhiên là điều không tưởng. “Chúng ta nhận thức được rằng chúng ta không ở “bên ngoài” và đối lập với tự nhiên” (We are made aware that we are not ‘outside’ and opposed to nature) [15]. Vốn thuộc về tự nhiên, là một bộ phận nhỏ nhoi của tự nhiên, con người đã phải trải qua nghìn vạn năm để rút mình, tự tha hóa ra khỏi tự nhiên để thành người, thành văn hóa. Với Văn hóa như là... tha hóa (in trong Trò chuyện Triết học), Bùi Văn Nam Sơn nhắc đến mô hình tha hóa mà ông cho rằng Jean Jacques Rousseau là người đầu tiên đã áp dụng nhằm tiếp cận và giải quyết mối quan hệ giữa tự nhiên và văn hóa. Theo đó, “nền văn hóa “phản tự nhiên” là tiến trình của sự tha hóa, đồng thời là tiến trình không thể đảo ngược của việc vượt ra khỏi “con người hoang dã” (homme sauvage), tuy vậy, vẫn phải lấy bản tính tự nhiên của con người làm cơ sở và kim chỉ nam cho tiến trình văn hóa” [12]. Như vậy, trong diễn trình hoàn thiện bản thân, con người vẫn khó lòng tách khỏi tự nhiên một cách duy ý chí. Nhưng tựa như tồn tại một lực đẩy quán tính vô cùng mạnh, con người ngày càng tha hóa khỏi tự nhiên đến mức độ đối lập nguồn cội tự nhiên với văn hóa. Và tất nhiên, sự đối lập ấy, hại nhiều hơn lợi. “Nếu thời cổ đại, thiên giới là trung tâm; thời trung đại, thần giới là trung tâm; đến thời phục hưng và cận đại, nhân giới là trung tâm thì thời nay, sinh thái là trung tâm. Trong viễn tượng của một “quyết định luận sinh thái”, đối lập văn hóa với thiên nhiên là một quan niệm đã lỗi thời” [10:81-82]. “Trái đất là một thực thể sống và mạng lưới sự sống này có mối liên hệ với nhau, rằng tất cả cuộc sống phụ thuộc vào sức khỏe và tính nguyên vẹn của toàn bộ hành tinh, và rằng sự suy thoái môi trường là sản phẩm của sự thiếu cân bằng văn hóa” [8].

Khởi xướng bởi Julian Steward (1955), sinh thái văn hóa (cultural ecology) phát triển mạnh mẽ vào những năm sáu mươi của thế kỷ trước ở Mỹ. Hệ thống lý thuyết này chỉ ra mối quan hệ gắn bó giữa môi trường tự nhiên và văn hóa. “Sử dụng lý thuyết sinh thái văn hóa, hàng loạt các nghiên cứu phát hiện ra rằng các tri thức và thực hành văn hóa và sinh thái của các cộng đồng người địa phương, trong một thời gian dài bị coi là “lạc hậu”, “không hiệu quả” hay “phá hoại môi trường” đóng một vai trò rất lớn trong việc bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên, đa dạng sinh học” [1:23]. Là một bộ phận thuộc về văn hóa, văn học có trách nhiệm của mình trong việc nhìn nhận lại những diễn ngôn sai lầm đối với thiên nhiên. “Phê bình sinh thái, từ đó, tưởng nhớ Trái đất thông qua sự phơi bày trước con người khoản nợ của văn hóa đối với tự nhiên” (Ecocriticism, then, remembers the earth by rendering an account of the indebtedness of culture to nature) [15]. Văn học sinh thái ra đời và phát triển, về mặt văn học sử, còn mang những ý nghĩa tích cực nhất định. Vì rằng “khi đạt

đến được sự nhận thức về tính không thể tách biệt giữa tự nhiên và văn hóa, vật chất (*physis*) và kỹ thuật (*techne*), trái đất và vật tạo tác, sự tiêu thụ và sự hủy diệt, cũng là lúc chúng ta vượt qua được sự bế tắc của Chủ nghĩa hiện đại cũng như sự kiêu ngạo của Chủ nghĩa nhân văn” (to regain a sense of the inextricability of nature and culture, *physis* and *techne*, earth and artifact - consumption and destruction - would be to move beyond both the impasse of modernism and the arrogance of humanism) [11]

## 6. Văn học sinh thái – nhìn từ góc độ nghệ thuật

Trong bài viết *Mùa xuân, sinh thái và văn chương*, Huỳnh Như Phương cảm thán “*Cái ác của con người có điểm dừng hay không và thiên nhiên bao dung có ngăn được cái ác hay không?*”, và rằng “*trong cuộc đấu tranh vì một môi trường sống hòa hợp với con người, văn học đã làm được gì?*” [10:80]. Văn học sinh thái ra đời chính từ đòi hỏi bức thiết đó trên khắp toàn cầu. Thay đổi căn bản từ điểm nhìn, văn học sinh thái quan niệm sinh thái là trung tâm thay vì con người là trung tâm; thiên nhiên là sinh mệnh độc lập, tồn tại ngoài ý thức của con người và có khả năng phản biện lại thế giới người thay vì thiên nhiên chỉ là nền cảnh cho cuộc sống và tâm trạng con người. Văn học sinh thái cất lên tiếng nói phê phán, rung lên hồi chuông cảnh tỉnh nhân loại về cách hành xử bất công với thiên nhiên thay vì ngợi ca sự vĩ đại của con người trong hành trình chinh phục thế giới.

Là thể loại văn xuôi nằm ở phần giao nhau giữa văn học và cận văn học (báo chí, chính luận, ghi chép tư liệu...), ký tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà văn trong quá trình chuyển tải trực tiếp những hiện thực sống động của đời sống. Ký cũng thường không có cốt truyện. Phải chăng, có một cốt truyện to lớn lắm, đang bao trùm cả cuốn bút ký với nhiều câu chuyện của Nguyên Ngọc này? Một cốt truyện về hành trình người Tây Nguyên gìn giữ mối tương liên giữa thiên nhiên và họ. Một cốt truyện mà người Tây Nguyên, mà Nguyên Ngọc, mà cả độc giả chúng ta chỉ có thể nắm lấy cái cốt yếu, và hiểu về nó trong từng mảnh ghép mà nó hiện thân. Hiện tượng đó tựa như việc tâm thức của nhân loại thưở ban sơ, xa lắm, đã xa lắm, nay chỉ còn là những mảnh vỡ tri thức được tái sinh trong những thần thoại, những huyền tích, những câu chuyện cổ xưa nhưng đầy tươi mới. Bên cạnh đó, khác với các thể loại văn xuôi khác, ký đi sâu vào miêu tả, tường thuật, ít có xung đột. Nhưng như một mạch ngầm, xung đột giữa quá trình văn minh hóa làm xói mòn những giá trị thiên nhiên. Tập bút ký *Các bạn tôi ở trên ấy* là chuỗi những xung đột đó được Nguyên Ngọc khéo léo dẫn dắt theo từng “người thật, việc thật”.

## 7. Kết luận

Kể về từng câu chuyện cuộc đời của từng cá nhân, từng số phận nhưng là kể về tính cách, về bản nguyên của cả cộng đồng, của cả Tây Nguyên, tập bút ký *Các bạn tôi ở trên ấy* của Nguyên Ngọc đã phác họa nên tính cách của người Tây Nguyên đầy tinh thần yêu quý thiên nhiên. Thật khó có nhà văn nào trong suốt cuộc đời sáng tác lại gắn bó máu thịt với vùng đất Tây Nguyên như Nguyên Ngọc. Ông chưa bao giờ thôi suy tư, trăn trở về vùng đất này. Giống như tình thế mà Conrad P. Kottak từng nhắc đến: “*Những người địa phương, những vùng đất của họ, những ý tưởng của họ, những giá trị của họ, và cả những hệ thống quản lý của họ bị tấn công từ mọi phía. Những người bên ngoài cố gắng thay đổi những vùng đất và văn hóa của người bản địa theo cách của họ*” (Local people, their landscapes, their ideas, their values, and their traditional management systems are being attacked from all sides. Outsiders attempt to remake native landscapes and cultures in their own image) [Conrad P. Kottak, tr.26], trước những áp lực từ bên ngoài Tây Nguyên đang khiến nơi đây biến đổi theo chiều hướng xấu,



trong nhiều đoạn của các bút ký, Nguyên Ngọc đã phải xót xa lên tiếng. “*Tây Nguyên đang mất dần sạch rừng xanh rồi. Đại ngàn thì tuyệt đối không còn. Tất cả đang trống trơn, phơi ra đồ ngàu đất trơ khô cháy. Con người ở đây rồi sẽ ra sao đây? Thú thật, tôi chưa biết. Chỉ lo sợ*” [7, tr.274]. Và tập bút ký *Các bạn tôi ở trên ấy* chính là những tâm sự ấy của Nguyên Ngọc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Cầm, Phạm Quỳnh Phương (2012), *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa - sinh kế tộc người*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [2] Conrad P. Kottak (1999), *The New Ecological Anthropology*, American Anthropologist, New Series. Vol. 101. No 1 (Mar., 1999), pp23-35, <https://deepblue.lib.umich.edu/bitstream/handle/2027.42/66329/aa.1999.101.1.23.pdf>, truy cập ngày 15/6/2016.
- [3] Vũ Thị Cúc (2008), *Quan hệ giới và môi trường ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới* quyền 18, số 4-2008, tr.68-80.
- [4] Trần Thái Đình (1967), *Triết học hiện sinh*, NXB Văn học.
- [5] Glotfelty, C. (1996), *Literary Studies in an Age of Environmental Crisis*, Introduction of *Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology*, Edited by Cheryl Glotfelty and Harold Fromm, the University of Georgia Press. [http://www.graduateschools.uni-wuerzburg.de/fileadmin/43030300/Heise-Materialien/Glotfelty\\_ecocriticism\\_intro.pdf](http://www.graduateschools.uni-wuerzburg.de/fileadmin/43030300/Heise-Materialien/Glotfelty_ecocriticism_intro.pdf), truy cập ngày 12/01/2016.
- [6] Viên Linh Hồng, *Chủ nghĩa nữ quyền sinh thái hướng tới giải phóng đạo đức* (Chương 3, mục 3), Trần Mạnh Tiến dịch, <http://vanhien.vn/news/chu-nghia-nu-quyen-sinh-thai-huong-toi-giai-phong-dao-duc-43296>, truy cập ngày 15/6/2016.
- [7] Nguyên Ngọc (2013), *Các bạn tôi ở trên ấy*, NXB Trẻ.
- [8] Vũ Thị Kim Oanh (biên dịch theo CWPE), *Phụ nữ và môi trường* <http://www.thiennhien.net/2008/03/08/phu-nu-va-moi-truong-2/>, truy cập ngày 15/6/2016.
- [9] Oliver G. (1997), *Sinh thái học nhân văn*, Huy Yên, Võ Bình, Đỗ Ngọc Hải dịch, NXB Thế giới.
- [10] Huỳnh Như Phương (2016), “Mùa xuân, sinh thái và văn chương”, in trong *Cầm láy và đọc*, NXB Tổng hợp TP.HCM, tr. 79-84.
- [11] Rigby K. (2014), Chapter 7: “Ecocriticism” from Julian Wolfreys (ed.), *Literary and Cultural Criticism at the Twenty-First Century*, Edinburgh: Edinburgh UP, 151-78, [http://www.asle.org/wp-content/uploads/ASLE\\_Primer\\_Rigby.pdf](http://www.asle.org/wp-content/uploads/ASLE_Primer_Rigby.pdf), truy cập ngày 15/6/2016.
- [12] Bùi Văn Nam Sơn (2014), *Trò chuyện Triết học* (tập 2), NXB Tri thức.
- [13] Trần Đình Sử (2015), *Phê bình sinh thái tinh thần trong nghiên cứu văn học hiện nay*, <https://trandinhstu.wordpress.com/2015/02/09/phe-binh-sinh-thai-tinh-than-trong-nghien-cuu-van-hoc-hien-nay/>, truy cập ngày 12/01/2016.
- [14] Trịnh Xuân Thuận, Jean D’ormesson, Mathieu Ricard, Jean-Marie Pelt, Philippe Desbrosses, Edgar Morin, Joel De Rosnay, Fabienne Verdier, Jean-Claude Guillebaud (2016), *Đối mặt với vũ trụ*, Phạm Văn Thiều và Phạm Nguyễn Việt Hưng dịch, NXB Tri thức.
- [15] Peter Wolsing (2013), “Responsibility to Nature? Hans Jonas and Environmental Ethics”, *Nordicum – Mediterraneum [nome.unak.is]*, Vol.8 No.3, <http://nome.unak.is/wordpress/08-3/c69-conference-paper/responsibility-to-nature-hans-jonas-and-environmental-ethics/>, truy cập ngày 15/6/2016.